

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2022/HS-ST

Ngày 11/3/2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn D

Bà Nguyễn Thị Doan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lại Hồng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2022/TLST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Phạm Văn L, sinh ngày 13/8/1999 tại huyện Tr, tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: Thôn 7x, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Ng, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 09/9/2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

(Trích xuất có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1966

Trú tại: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình *(vắng mặt)*.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Phạm Văn Ng, sinh năm 1976.

Trú tại: Thôn 7x, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Nam Định *(có mặt)*.

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965

Trú tại: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình *(vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa tháng 6/2021, thông qua mạng xã hội Facebook, ông Nguyễn Văn D là chủ tài khoản facebook tên “Nguyễn Xuân D” đã làm quen với Phạm Văn L là chủ tài khoản facebook tên “Xuân L”. Khoảng 02 đến 03 ngày sau, ông D nhắn tin qua ứng dụng messenger của facebook hỏi L nội dung: *có muốn quan hệ tình dục đồng giới cùng ông D không?*, L trả lời có. Sau đó hai người trao đổi số điện thoại với nhau và kết bạn Zalo. L đặt vấn đề được gặp ông D nhưng do bận việc nên ông D chưa đồng ý gặp. Khoảng 01 tuần sau đó, ông D đăng nhập vào tài khoản Zalo bằng số điện thoại 0357.637.xxx của ông D và nhắn tin sang tài khoản Zalo được đăng nhập bằng số điện thoại 0329.711.xxx của L, bảo L sang huyện Q, tỉnh Thái Bình để hai người quan hệ tình dục đồng giới. L đồng ý, hai bên thỏa thuận khi quan hệ tình dục xong thì ông D phải trả cho L số tiền là 2.000.000 đồng; L điều khiển xe mô tô từ nhà ở tỉnh Nam Định sang chỗ hẹn tại khu vực ngã tư V, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Khi hai người gặp nhau, ông D đưa L về nhà ở Thôn T, xã A, huyện Q. Lúc này nhà ông D không có ai ở nhà, L cùng ông D quan hệ tình dục qua đường hậu môn của L; quan hệ xong, ông D đưa cho L 2.000.000 đồng theo thỏa thuận và cho thêm 200.000 đồng để L đổ xăng xe. L cầm tiền rồi điều khiển xe mô tô đi về. Khoảng một tuần sau, L và ông D tiếp tục thỏa thuận như lần thứ nhất và hai người gặp nhau để quan hệ tình dục tại nhà ông D. Quan hệ xong, ông D đưa cho L số tiền 2.000.000 đồng, L xin thêm 3.000.000 đồng, ông D đồng ý đưa cho L tổng số tiền 5.000.000 đồng; nhận tiền xong L điều khiển xe mô tô đi về. Sau hôm đó, ông D suy nghĩ nếu cứ quan hệ tình dục với L như vậy thì sẽ không có tiền chi trả cho L nên muốn chấm dứt mối quan hệ với L. Ông D đã chặn cuộc gọi, Facebook, Zalo đối với L; L không liên lạc được với ông D, đến khoảng 14 giờ ngày 26/8/2021, L sang nhà ông D để tìm gặp nhưng ông D không có nhà, L hỏi và nhờ bà Nguyễn Thị H, cạnh nhà ông D nhắn lại với ông D về việc có người tên L ở tỉnh Nam Định sang tìm, sau đó L đi về. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, ông D biết việc L đến nhà tìm nên gọi điện hỏi L sang nhà làm gì. L trả lời: *“Tôi sang nhà phạt anh vì anh không nghe điện thoại, anh phải đưa tôi số tiền 30 triệu đồng, nếu không đưa sẽ gặp vợ con anh để xem clip tôi và anh quan hệ tình dục với nhau”* Ông D nói *“làm gì có tiền”* thì L tiếp tục đe dọa: *“Nếu anh không đưa tiền cho tôi thì ngày nào tôi cũng sang và nói cho hàng xóm gần nhà anh biết”*; Ông D sợ hãi, van xin nhưng L không đồng ý, còn nói sẽ tăng mức tiền lên. Ông D nói: *“Để anh đi xoay, khi nào có anh gọi”*; khoảng 20 giờ ngày 26/8/2021, ông D nhắn tin zalo bảo L sang lấy tiền, L đồng ý. Khoảng 02 giờ ngày 27/8/2021, L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i, sơn màu trắng-đen, biển số 18B2-690.xx từ Nam Định đến nhà ông D. Tại đây, ông D nói với L cho quan hệ tình dục lần này nữa rồi sẽ chấm dứt mối quan hệ, L đồng ý. Sau khi quan hệ tình dục xong, ông D

đưa cho L số tiền 30.000.000 đồng như trước đó L yêu cầu và nói: “*Từ nay về sau chấm dứt mọi chuyện, không được đến nhà, không được tung clip lên mạng, không được cho ai biết chuyện này...*”. L đồng ý, nhận tiền và nói: “*Nhưng anh không được chặn Facebook, Zalo để thỉnh thoảng em nhắn tin hỏi thăm*”. Sau đó L điều khiển xe mô tô đi về, số tiền trên L đã chi tiêu cá nhân hết. L thấy ông D rất sợ vợ, con, hàng xóm biết chuyện quan hệ tình dục đồng tính giữa hai người nên L tiếp tục nảy sinh ý định đe dọa nhằm chiếm đoạt tiền của ông D. Đến 20 giờ 47 phút ngày 28/8/2021, L nhắn tin qua ứng dụng Zalo cho ông D với hình thức là vay tiền nhưng không hẹn rõ ngày trả, yêu cầu ông D với nội dung: “*em đang khó khăn anh chuẩn bị lo cho em vay 110.000.000 đồng, em hứa sau này sẽ trả lại*”; ông D không đồng ý, nhắn tin nói “*không có tiền, em có giết anh thì giết*”. L nhắn tin đe dọa ông D là “*cho anh thời hạn 03 ngày nếu không lo đủ tiền thì em sẽ không để yên, sẽ tung clip lên mạng xã hội và in hình ảnh hai người quan hệ tình dục dãi khắp xã để con trai, con gái, con rể và thông gia của anh biết chuyện anh đã quan hệ tình dục với tôi như thế nào...*”; ông D nói không có tiền và sẽ báo Công an. Sau đó L vẫn liên tục nhắn tin dùng từ ngữ đe dọa ông D phải đưa số tiền 110.000.000 đồng; ông D không đồng ý và nhắn tin cầu xin L vì không có tiền. L nghĩ số tiền lớn, ông D không thể đưa cho L nên đến 18 giờ 30 phút ngày 29/8/2021, L nhắn tin qua ứng dụng Zalo cho ông D với nội dung: “*Em chốt câu cuối 60.000.000 đồng, anh phải lo cho em vay rồi em để yên cho gia đình anh*”, ông D vẫn không đồng ý; L nhắn tin “*nếu anh không lo được đủ số tiền 60 triệu cho em thì em sẽ gặp vợ, con anh để họ lo cho em số tiền 100.000.000 đồng, không thì không yên đâu*”. Sau đó L tiếp tục đe dọa ông D về việc sẽ tìm gặp vợ con ông D và cho tất cả mọi người biết việc quan hệ tình dục giữa L và ông D. Do sợ L đăng clip lên mạng xã hội và nói cho vợ, các con ông D biết về việc quan hệ tình dục trên nên ông D nhắn cho L là sẽ cố gắng lo số tiền 15.000.000 đồng để đưa cho L nhưng L không đồng ý. L yêu cầu ông D phải đưa đủ 60.000.000 đồng. Đến 19 giờ 40 phút ngày 02/9/2021, L điều khiển xe mô tô đến nhà ông D mục đích để lấy tiền. Khoảng 22 giờ cùng ngày, tại phòng khách nhà ông D, ông D đưa cho L số tiền 20.000.000 đồng và nói: “*Anh chỉ lo được 20.000.000 đồng, em có lấy hay không thì tùy*”, L trả lời: “*20 triệu cũng được, số tiền còn lại tính sau*”. L cầm 20.000.000 đồng cất vào cốp xe mô tô của L rồi đi về.

Trong ngày 02/9/2021, ông Nguyễn Văn D đã có đơn trình báo gửi Cơ quan Công an để yêu cầu giải quyết vụ việc trên.

Ngày 03/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ đã triệu tập Phạm Văn L lên trụ sở làm việc. Tại đây, L đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi như trên. Đồng thời tự nguyện giao số tiền 20.000.000 đồng mà L đã chiếm đoạt được của ông D vào ngày 02/9/2021; 01 điện thoại di động nhãn hiệu

Iphone Xs Max, lắp sim số 0329.711.xxx; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i sơn màu trắng-đen, biển kiểm soát 18B2-690xx, cho Cơ quan điều tra quản lý, phục vụ điều tra.

Cáo trạng số 13/CT-VKSQP ngày 17/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố Phạm Văn L về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như đã nêu trong bản Cáo trạng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn Ng giữ nguyên lời khai như đã khai tại giai đoạn điều tra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Phạm Văn L và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Phạm Văn L mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Ngoài ra, còn đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tranh luận với nhau và với Kiểm sát viên. Bị cáo nói lời sau cùng tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Văn L tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án (bút lục số 291 - 338); phù hợp với đơn trình báo và lời khai của bị hại là ông Nguyễn Văn D (bút lục số 01, 367 - 384); phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn Ng (bút lục 339 - 344); phù hợp với lời khai của người làm chứng là bà Nguyễn Thị H (bút lục số 385 - 388). Ngoài ra hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau:

- Công văn gửi Viettel Thái Bình số 499/CV-CQCSĐT ngày 11/11/2021 của Công an huyện Quỳnh Phụ, về việc đề nghị Viettel Thái Bình cung cấp thông tin

khách hàng đối với số thuê bao 0329.711.xxx và số thuê bao 0357.637.xxx. Phiếu thay đổi dịch vụ trả trước của Viettel thể hiện số thuê bao 0329.711.xxx là của Phạm Văn L, sinh năm 1999, trú tại Thôn 7x, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Nam Định (bút lục số 40 - 42);

- Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; biên bản niêm phong đồ vật tài liệu; biên bản làm việc về việc mở và kiểm tra điện thoại do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ lập các ngày 03, 04/9/2021 tại Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; các tài liệu photo ảnh chụp từ màn hình của 02 chiếc điện thoại, thể hiện nội dung các tin nhắn qua ứng dụng Zalo giữa L và ông D (bút lục số 46 - 52; 95 - 262);

- Quyết định trưng cầu giám định số 165 ngày 08/9/2021 về việc giám định số tiền 20 triệu là tiền thật hay tiền giả; Biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định; Kết luận giám định số 70/KLGĐTL-PC09 ngày 15/9/2021, kết luận số tiền 20 triệu trên là tiền thật; biên bản đóng gói niêm phong và giao nhận lại đối tượng giám định (bút lục số 29 - 32);

Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Do có quan hệ tình dục đồng giới (bằng hình thức mua bán dâm) trước đó giữa Phạm Văn L và ông Nguyễn Văn D, nắm bắt được tâm lý của ông D lo sợ về việc gia đình, người khác biết ông D có quan hệ tình dục đồng giới với L nên từ ngày 26/8/2021 đến ngày 02/9/2021, Phạm Văn L đã 02 lần thực hiện hành vi đe dọa ông D như: sẽ tung clip quan hệ tình dục lên mạng xã hội, in ảnh quan hệ tình dục giữa L và ông D để cho vợ, con, làng xóm của ông D biết; đe dọa sẽ gặp trực tiếp vợ, con ông D để vùi tiền..., uy hiếp tinh thần ông D nhằm mục đích chiếm đoạt tiền. Trong đó, lần thứ nhất L đã chiếm đoạt được số tiền 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*); lần thứ hai L đe dọa nhằm chiếm đoạt số tiền 110.000.000đ (*một trăm mười triệu đồng*) sau đó giảm xuống 60.000.000đ (*sáu mươi triệu đồng*) nhưng mới chiếm đoạt được 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*) thì bị Cơ quan Công an yêu cầu lên làm việc. Tổng số tiền thực tế Phạm Văn L đã chiếm đoạt được của ông Nguyễn Văn D là 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*).

Hành vi của bị cáo Phạm Văn L đã phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” với tình tiết định khung quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự:

Điều 170 Bộ luật Hình sự. Tội Cưỡng đoạt tài sản:

“1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ;

d) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

đ) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

e) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

b) Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;

b) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố đối với Phạm Văn L với tội danh, điều, khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Hành vi đó không những uy hiếp tinh thần, gây tâm lý hoang mang, lo sợ cho bị hại mà còn trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại, gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Trong khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, là thanh niên có sức khỏe nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người lương thiện, có lối sống lành mạnh phù hợp với đạo đức, truyền thống văn hóa và pháp luật Việt Nam. Do đó, cần thiết phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm nhằm răn đe, cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo thành khẩn khai báo; đã bồi thường toàn bộ tiền chiếm đoạt cho bị hại để khắc phục hậu quả nên

được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” và “*Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả*” quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 30.000.000 đồng bị cáo chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn D lần thứ nhất, trong giai đoạn điều tra, bị cáo L đã tác động ông Phạm Văn Ng (bố đẻ của L) thay bị cáo bồi thường cho ông D, ông Ngôn không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền ông đã bồi thường thay. Đối với số tiền 20.000.000 đồng bị cáo chiếm đoạt lần thứ hai của ông D, bị cáo đã giao nộp tại Cơ quan điều tra và Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông D. Ông D đã nhận đủ các khoản tiền trên và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản chi phí thiệt hại nào khác. Tại phiên tòa ông D vắng mặt nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề trách nhiệm dân sự ra giải quyết.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH150i, màu sơn trắng - đen, biển số 18B2-690.xx, kết quả điều tra xác định xe mô tô là tài sản thuộc sở hữu của ông Phạm Văn Ng (bố đẻ của L), L sử dụng xe đi cưỡng đoạt tài sản, ông Ngôn không biết nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với ông Ngôn và đã trả lại ông chiếc xe trên là đúng quy định của pháp luật.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu vàng đồng của Phạm Văn L là vật chứng, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước; 01 xác sim điện thoại số 0329711xxx của L không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy; Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ViVo 1904, màu đỏ đen, là tài sản hợp pháp của ông D cần trả lại cho ông D là phù hợp với quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Đối với việc mua bán dâm của ông D và L, Cơ quan điều tra đã căn cứ khoản 1 Điều 22, Điều 23 Nghị định 167/2013/NĐ-CP của Chính phủ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPHC ngày 15/12/2021 đối với Phạm Văn L và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐ-XPHC ngày 15/12/2021 đối với ông Nguyễn Văn D. Ngoài ra, kết quả điều tra còn xác định Phạm Văn L bị dương tính đối với bệnh HIV, trong quá trình quan hệ tình dục ông D không biết và L cũng không nói cho ông D biết việc mình bị nhiễm HIV nhưng ông D không bị lây nhiễm HIV từ L nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với L về tội “lây truyền HIV cho người khác” theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Hình sự, là đúng pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn L phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.
2. Hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:
Xử phạt bị cáo Phạm Văn L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 09/9/2021.
3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.
4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:
 - Trả lại ông Nguyễn Văn D: 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo 1904, màu đỏ đen màn hình bị vỡ, mặt sau có chữ AI TRIPLE CAMERA.
 - Tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu vàng đồng đã qua sử dụng thu của Phạm Văn L.
 - Tịch thu tiêu hủy 01 xác sim điện thoại số 0329711210 thu của Phạm Văn L.*(Các vật chứng có đặc điểm chi tiết ghi tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 29 ngày 18/01/2022 giữa Công an huyện Quỳnh Phụ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ).*
5. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Phạm Văn L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.
6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/3/2022). Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- CQĐT, CQTHAHS, Nhà Tạm giữ (Công an huyện Quỳnh Phụ);
- UBND xã Tr, huyện Tr, tỉnh Nam Định;
- Bị cáo; bị hại; người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phụng